

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 544/2025/DS-ST

Ngày: 27/6/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Dòn.
- Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 928/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2025/QĐXXST-DS ngày 05/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 400/2025/QĐST-DS ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số **, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1967 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2024, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Vào ngày 05/10/2022 ông V có làm hợp đồng vay tiền cho bà Nguyễn Ngọc C vay số tiền gốc là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, thời gian vay là từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/10/2023 với lãi suất 3%/ tháng. Hợp đồng được giao kết và ký vào ngày 05/10/2022. Hai bên có thỏa thuận trả tiền lãi vào ngày 05 dương lịch hàng tháng. Tuy nhiên từ khi ký hợp đồng đến nay bà C không đóng lãi và cũng không trả gốc cho ông V như cam kết. Ông V đã liên hệ nhắc nhở trả tiền lãi và gốc nhưng bà C đã có tình lẩn

tránh và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 2 trong hợp đồng vay tiền.

Nay ông V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bà Nguyễn Ngọc C trả cho ông V số tiền gốc là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng và số tiền lãi do vi phạm hợp đồng với lãi suất 1.5%/tháng theo quy định của pháp luật từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/4/2025 là 30 tháng với số tiền là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 87.000.000 (Tám mươi bảy triệu) đồng và không yêu cầu trả thêm tiền lãi chậm trả hoặc tiền phát sinh khác. Số tiền cho vay trên là tài sản riêng của ông V, không liên quan gì đến vợ ông là bà Trần Thị Thắm. Ông V yêu cầu chỉ một mình bà C trả lại cho ông tổng số tiền là 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng, không yêu cầu ai khác trả nợ số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc C vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu chứng cứ nào.

Tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh V có đơn xin vắng mặt đồng thời có bản tự khai trình bày: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bà Nguyễn Ngọc C trả cho ông V số tiền gốc là 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng. Ông V không yêu cầu gì thêm.

2. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc C vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc C.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- *Về tuân theo tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh V khởi kiện bà Nguyễn Ngọc C là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (theo Hợp đồng vay tiền ngày 05/10/2022). Căn cứ vào Kết quả trả lời xác minh của Công an xã Bình Chánh theo Công văn số 3847/TAHBC ngày 06/11/2024: “CD Nguyễn Ngọc C (sn 1967), HKTT: C xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đã bán nhà chuyển về cư trú tại 2/5 Ấp T, xã T1, huyện Bến Lức, tỉnh Long An”. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo Công văn số 887/TAHBC ngày 26/3/2025 “Đương sự Nguyễn Ngọc C sinh năm: 1967 không có đăng ký thường trú hay tạm trú và sinh sống tại 2/5 ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Long An”. Do đó, căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa các bên được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là bà Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án triệu tập họp lệ xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nội dung vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 05/10/2022 và sự trình bày của nguyên đơn nội dung vụ án được thể hiện như sau: Vào ngày 05/10/2022 ông Nguyễn Thanh V cho bà Nguyễn Ngọc C vay số tiền gốc là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng với lãi suất 3%/ tháng. Thời hạn vay là 01 năm từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/10/2023. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi suất.

[4.1] Về yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng:

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất: *Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn thì đến thời điểm này, bị đơn bà Nguyễn Ngọc C chưa trả cho ông Nguyễn Thanh V bất cứ khoản tiền gốc nào. Do đó, căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc C trả lại cho ông Nguyễn Thanh V số tiền gốc đã vay là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 27.000.000 đồng với lãi suất 1.5%/tháng trong thời hạn từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/4/2025: Xét thấy đến ngày 05/10/2023 bà Nguyễn Ngọc C vẫn không trả nợ cho ông V theo Hợp đồng vay tiền ngày 05/10/2022 nên ông V yêu cầu bà C trả cho ông V số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/4/2025 với lãi suất 1.5%/tháng tương đương 18%/năm tương đương số tiền là 27.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Ông V xác nhận chỉ yêu cầu bà C trả số tiền lãi từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/4/2025 là 30 tháng và không yêu cầu gì thêm. Xét đây là sự tự nguyện của ông V nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Ngọc C dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa với nội dung nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn nhưng bà C vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa trình bày ý kiến, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử theo quy định, cũng không giao nộp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào. Như vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[6] Từ những lý lẽ và căn cứ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Bình Chánh; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Ngọc C trả cho ông Nguyễn Thanh V số tiền gốc và lãi là 87.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 và Điều 273, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc C.

1.1. Buộc bà Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Thanh V số tiền gốc và lãi là 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng.

1.2. Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. **Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Ngọc C phải chịu 4.350.000 (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh V số tiền là 1.972.500 (Một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24P/0051175 ngày 31/10/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Đương sự (2);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền